

Chương 13 - Lập hồ sơ và các quy định đối với các dự án đường bộ

13.1. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG ĐỐI VỚI LẬP HỒ SƠ DỰ ÁN ĐƯỜNG Ô TÔ

13.1.1. TỔNG QUÁT

Hồ sơ Dự án đường được thực hiện theo những điều khoản quy định của quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 8/7/1999 của Chính phủ và các Thông tư, Quyết định của Liên bộ Bộ Xây dựng - Bộ kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng, các Thông tư, Quyết định của Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch đầu tư, Bộ Giao thông vận tải về hướng dẫn lập, thẩm định dự án đầu tư và quyết định đầu tư có xét tới đặc điểm của các dự án đường ô tô theo quy trình khảo sát - Thiết kế đường ô tô hiện hành.

13.1.2. THỦ TỤC ĐẦU TƯ GỒM BA GIAI ĐOẠN

- a. Chuẩn bị đầu tư;
- b. Thực hiện đầu tư;
- c. Kết thúc xây dựng, đưa công trình vào khai thác sử dụng.

13.1.3. TRÌNH TỰ THIẾT KẾ ĐƯỜNG

Gồm các bước sau đây:

- a. Nghiên cứu tiền khả thi và nghiên cứu khả thi được thực hiện ở giai đoạn 1 "Chuẩn bị đầu tư" khi lập dự án đầu tư.
- b. Thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công được thực hiện ở giai đoạn 2 "Thực hiện đầu tư" khi lập hồ sơ thiết kế xây dựng đường.

13.1.4. NỘI DUNG TÀI LIỆU

Nội dung hồ sơ dự án đường ô tô được quy định phụ thuộc vào yêu cầu đối với mỗi bước nghiên cứu tiền khả thi, thiết kế kỹ thuật hay thiết kế bản vẽ thi công.

13.2. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG ĐỐI VỚI NGHIÊN CỨU TIỀN KHẢ THI (NCTKT) VÀ NGHIÊN CỨU KHẢ THI (NCKT)

13.2.1. NGUỒN TÀI LIỆU

Báo cáo NCTKT, báo cáo NCKT do chủ đầu tư lập hoặc thuê các tổ chức tư vấn lập

13.2.2. NHỮNG DỰ ÁN YÊU CẦU LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU TIỀN KHẢ THI VÀ KHẢ THI

Lập báo cáo NCTKT và NCKT được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

- Các dự án nhóm A;
- Các dự án nhóm B nếu người có thẩm quyền quyết định đầu tư có yêu cầu bằng văn bản "phải lập báo cáo NCTKT và NCKT".

Đặc trưng của mỗi nhóm A, B, C được quy định như trong phụ lục 13.A.

13.2.3. NHỮNG DỰ ÁN CHỦ YẾU CẦU LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI

Chỉ lập báo cáo NCKT mà không yêu cầu lập báo cáo NCTKT được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

- Các dự án nhóm A đã được Quốc hội hoặc Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư;
- Các dự án thành phần (hoặc tiểu dự án) thuộc dự án nhóm A đã được Thủ tướng Chính phủ thông qua báo cáo NCTKT và cho phép phân nhỏ ra các dự án thành phần (hoặc tiểu dự án); Tuy nhiên, việc trình duyệt và quản lý dự án phải theo quy định của dự án nhóm A;
- Các dự án nhóm B, khi chủ đầu tư không yêu cầu làm báo cáo NCTKT bằng văn bản
- Các dự án nhóm C có mức đầu tư từ 1 tỷ đồng trở lên.

13.2.4. NHỮNG BÁO CÁO CHỦ YẾU CẦU LẬP BÁO CÁO ĐẦU TƯ

Chỉ lập báo cáo đầu tư mà không yêu cầu lập báo cáo NCKT được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

1. Các dự án có mức vốn dưới 1 tỷ đồng;
2. Các dự án sửa chữa, bảo trì sử dụng vốn sự nghiệp;
3. Các dự án của các ngành đã có thiết kế mẫu và tiêu chuẩn kỹ thuật được Bộ quản lý ngành phê duyệt trên cơ sở quy hoạch tổng thể đối với từng vùng.

13.2.5. NỘI DUNG CỦA BÁO CÁO TIỀN KHẢ THI

Nội dung báo cáo NCTKT được thực hiện theo những quy định và hướng dẫn trong mục 13.3.

Trong bước NCTKT nói chung là sử dụng các tài liệu thu thập, điều tra mà không tổ chức đo đạc. Chỉ trong trường hợp rất đặc biệt mới tổ chức đo đạc tại thực địa. Để bổ xung vào các bản đồ địa hình hiện có, các đơn vị tư vấn thiết kế chỉ cần tiến hành thị sát hiện trường để điều chỉnh tài liệu cho phù hợp với tình hình hiện tại.

Nội dung và yêu cầu đối với công tác điều tra, thu thập tài liệu và khảo sát hiện trường phải được thực hiện theo các quy định và hướng dẫn của Quy trình khảo sát đường ô tô hiện hành áp dụng trong bước khảo sát nghiên cứu tiền khả thi.

13.2.6. NỘI DUNG CỦA BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI

Nội dung báo cáo NCKT được thực hiện theo những quy định và hướng dẫn trong mục 13.4.

Nội dung và yêu cầu đối với công tác điều tra, thu thập tài liệu và khảo sát, đo đạc hiện trường phải được thực hiện theo các quy định và hướng dẫn của Quy trình khảo sát đường ô tô hiện hành áp dụng đối với bước khảo sát nghiên cứu khả thi.

13.3. THÀNH PHẦN VÀ NỘI DUNG HỒ SƠ BÁO CÁO NGHIÊN CỨU TIỀN KHẢ THI

Thành phần và nội dung hồ sơ báo cáo của NCTKT gồm ba tài liệu chính sau đây:

1. Bản báo cáo thuyết minh tổng hợp;
2. Các bản vẽ;
3. Phụ lục.

13.3.1. BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP

1. Tên công trình, tên chủ đầu tư và địa chỉ liên lạc

2. Giới thiệu chung

2.1. Tổng quan

2.2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

2.3. Tổ chức thực hiện dự án

2.4. Các văn bản pháp lý cho phép tiến hành chuẩn bị đầu tư và các thông tư, quyết định và các văn bản khác có liên quan tới dự án.

2.5. Các nguồn tài liệu sử dụng để lập báo cáo NCTKT.

3. Đặc điểm kinh tế - xã hội vùng nghiên cứu

3.1. Tình hình phát triển dân số trong vùng.

3.2. Tình hình lao động và ngành nghề trong vùng.

3.3. Tình hình kinh tế - xã hội của các vùng lân cận và của các nước có liên quan tới dự án (nếu có).

4. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong vùng

4.1. Tổng quan

4.2. Định hướng tổng quát về phát triển kinh tế - xã hội trong vùng của kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn. Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế chính của một số ngành.

4.3. Sơ bộ dự báo về tình hình phát triển dân số và lao động.

4.4. Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội các vùng lân cận có liên quan tới dự án.

5. Hiện trạng mạng lưới giao thông trong vùng nghiên cứu

5.1. Tổng quan về mạng lưới GTVT hiện có.

5.2. Hiện trạng mạng lưới giao thông đường bộ : Sơ bộ đánh giá chức năng của các tuyến đường bộ trong mạng lưới đường trong vùng nghiên cứu, tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng khai thác của đường và các công trình trên đường.

6. Tình hình vận tải của những năm gần đây và dự báo nhu cầu vận tải trong tương lai

6.1. Sơ bộ đánh giá tình hình vận tải trên các tuyến đường bộ của những năm gần đây.

6.2. Tính toán dự báo sơ bộ nhu cầu vận tải trên tuyến đường dự kiến sẽ xây dựng hay cải tạo nâng cấp.

7. Phân tích sự cần thiết phải đầu tư xây dựng mới hay cải tạo nâng cấp tuyến đường hiện có. Những thuận lợi và khó khăn

Phân tích sơ bộ hiệu quả của việc triển khai dự án xây dựng đường đối với chiến lược phát triển kinh tế trong khu vực hấp dẫn của đường, hiệu quả giảm chi phí vận tải, cải thiện điều kiện sinh hoạt, văn hoá của nhân dân trong vùng, củng cố an ninh quốc phòng v.v...

8. Đặc điểm về điều kiện tự nhiên của vùng nghiên cứu

8.1. Điều kiện khí hậu và thủy văn

8.2. Điều kiện về địa hình

8.3. Điều kiện về địa chất và vật liệu xây dựng

8.4. Những thuận lợi và khó khăn.

9. Sơ bộ xác định quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

9.1. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế áp dụng.

9.2. Dự kiến cấp đường, các tiêu chuẩn hình học của đường, tiêu chuẩn kỹ thuật của cầu, cống, mặt đường v.v...

10. Sơ bộ lựa chọn các giải pháp kỹ thuật về tuyến và các công trình trên đường**10.1. Sơ bộ lựa chọn phương án tuyến:**

Các phương án sơ sánh hướng tuyến được thực hiện trên các bản đồ thu thập được có tỷ lệ 1:50.000, 1:25.000, 1:20.000, 1:10.000, 1:5000.

Trên bản đồ sơ bộ xác định các điểm khống chế và vạch các phương án tuyến khả thi và sơ bộ kiến nghị phương án được lựa chọn và các tiêu chuẩn kỹ thuật của tuyến.

10.2. Sơ bộ thiết kế trắc dọc đối với phương án được lựa chọn.**10.3. Sơ bộ lựa chọn các công trình thoát nước trên đường (Cầu, cống) và các công trình khác dọc tuyến.****10.4. Sơ bộ lựa chọn kết cấu mặt đường.****10.5. Sơ bộ lựa chọn các công trình khác nếu có.****11. Xác định sơ bộ khối lượng xây dựng****11.1. Khối lượng công tác xây dựng nền đường.****11.2. Khối lượng xây dựng mặt đường.****11.3. Khối lượng xây dựng cầu, cống và các công trình đặc biệt trên đường.****11.4. Khối lượng giải phóng mặt bằng.****12. Xác định sơ bộ tổng mức đầu tư, phương án huy động các nguồn vốn, phương án phân kỳ đầu tư, phân đoạn xây dựng.****13. Sơ bộ ước tính nhu cầu lao động và tổ chức thực hiện, thời gian khởi công, thời gian hoàn thành.****14. Sơ bộ phân tích hiệu quả đầu tư về mặt kinh tế và xã hội của dự án.****15. Sơ bộ đánh giá tác động môi trường và các biện pháp giảm thiểu ảnh hưởng đối với môi trường.****16. Kết luận và kiến nghị****13.3.2. HỒ SƠ BẢN VẼ****1. Bản vẽ các phương án tuyến**

Các phương án tuyến được tổ bằng các mẫu khác nhau, trong đó phương án kiến nghị tô màu đỏ và vẽ nét đậm hơn các phương án khác.

2. Bản vẽ mặt cắt dọc đường (trắc dọc)

Tỷ lệ ngang : theo tỷ lệ của bản đồ

Tỷ lệ đứng : bằng 10 lần lớn hơn tỷ lệ ngang

Trắc dọc đường mặt đất tự nhiên được vẽ dựa theo cao độ các cọc Km, cọc H và cọc địa hình, xác định bằng cách nội suy theo các đường đồng mức của bình đồ tuyến.

Trắc dọc đường trong bước NCTKT dùng mẫu trắc dọc giản hoá có các mục ghi các số liệu chủ yếu của trắc dọc:

- Cao độ tự nhiên tại tim đường, m;
- Cao độ thiết kế, m;
- Khoảng cách lề, m;
- Khoảng cách cộng dồn, m;
- Độ dốc thiết kế, ‰;
- Chiều cao đào đắp, m;
- Đoạn thẳng và đoạn cong.

Trên bản vẽ trắc dọc phải thể hiện được các vị trí cầu lớn, cầu trung, cầu nhỏ, cống và kích thước công trình, lý trình vị trí công trình.

3. Bản vẽ mặt cắt ngang (trắc ngang)

Tỷ lệ : 1 : 200 hay 1 : 100

Mẫu bản vẽ trắc ngang : Xem mẫu quy định ở Phụ lục 14 - 2

Số lượng : Vẽ các mặt cắt ngang điển hình có sử dụng trên đoạn tuyến thiết kế.

Kết cấu mặt đường : Vẽ chung trong bản vẽ trắc ngang.

4. Cống và cầu

Trong giai đoạn NCTKT cấu tạo cống và cầu sử dụng theo thiết kế định hình vì vậy không yêu cầu trong hồ sơ cung cấp các bản vẽ cấu tạo các công trình này.

5. Các công trình khác nếu có

13.3.3. PHỤ LỤC

1. Bảng thống kê các cống có chỉ rõ lý trình, kích thước khẩu độ, chiều dài.
2. Bảng thống kê các cầu có chỉ rõ lý trình, kích thước chiều dài, khổ cầu.
3. Bảng thống kê các công trình phòng hộ (Kè, tường, chắn, công trình gia cố chống xói, chống trượt v.v...).
4. Bảng thống kê các nút giao nhau.
5. Bảng thống kê các công trình an toàn giao thông.
6. Bảng thống kê các công trình khác.
7. Các tài liệu thu thập trong thời gian điều tra thu thập tài liệu.
8. Các văn bản làm việc với địa phương, các bộ, các ngành có liên quan tới dự án về hướng tuyến, vị trí cầu lớn, các điểm khống chế.
9. Bảng thống kê các đơn giá, định mức và các căn cứ để tính tổng mức đầu tư.

13.4. THÀNH PHẦN VÀ NỘI DUNG HỒ SƠ BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI

Thành phần và nội dung hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi trong trường hợp thông thường bao gồm ba tài liệu sau đây:

1. Bản báo cáo thuyết minh tổng hợp;
2. Các bản vẽ;
3. Phụ lục.

13.4.1. BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP

Báo cáo thuyết minh tổng hợp gồm các chương sau đây:

CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU CHUNG

- 1.1. Tên dự án : Chủ đầu tư và địa chỉ liên lạc
- 1.2. Đối tượng thực hiện dự án : Phân công tổ chức thực hiện
- 1.3. Tổ chức thực hiện dự án : Phân công tổ chức thực hiện dự án giữa các đơn vị tư vấn khảo sát - thiết kế (nếu công việc được thực hiện do nhiều đơn vị tư vấn thiết kế).
- 1.4. Các căn cứ pháp lý xác định quy mô và sự cần thiết đầu tư như:
 - Quyết định cho phép tiến hành chuẩn bị đầu tư;
 - Quyết định thông qua báo cáo NCKT và cho phép tiến hành bước NCKT (nếu dự án quy định trước khi thực hiện bước NCKT phải qua bước NCKTKT);
 - Quyết định duyệt đề cương lập NCKT có kèm theo đề cương đã được thông qua, tờ trình của chủ đầu tư xin duyệt đề cương lập NCKT;
 - Hợp đồng kinh tế giữa chủ đầu tư và đơn vị tư vấn khảo sát - Thiết kế thực hiện nghiên cứu dự án.
 - Các thông tư, Quyết định và các văn bản khác có liên quan tới dự án.
- 1.5. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng
- 1.6. Các nguồn tài liệu sử dụng để lập báo cáo NCKT thu thập trong thời gian điều tra, khảo sát

CHƯƠNG 2: ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG NGHIÊN CỨU

- 2.1. Dân số
 - Sự phát triển dân số, tỷ lệ phát triển dân số hàng năm;
 - Phân bố dân số theo giới tính và tuổi;
 - Quy mô các hộ gia đình : Số hộ 1 người, hộ 2,3 ... người; tỷ lệ chiếm của mỗi loại hộ gia đình.
- 2.2. Lao động và việc làm

Lao động và việc làm được phân chia làm 3 khu vực :

Khu vực I : Thuộc các ngành khai thác trực tiếp tài nguyên thiên nhiên không qua khâu chế biến như các ngành trồng trọt, đánh cá, trồng rừng v.v...

Khu vực II : Thuộc các ngành khai thác (mỏ các loại) và các ngành công nghiệp khác.

Khu vực III : Thuộc các ngành thương nghiệp, dịch vụ, văn bản, hành chính, trường học, y tế v.v...

- 2.3. Nông lâm nghiệp (Khu vực I)

- Loại cây trồng
- Loại hình sở hữu (nhà nước, tập thể, tư nhân), quy mô diện tích.
- Tình hình phát triển những năm gần đây và định hướng phát triển tương lai.

- 2.4. Công nghiệp (khu vực II)

- Phân loại các xí nghiệp nhà máy trong khu vực nghiên cứu và các vùng phụ cận thuộc khu vực hấp dẫn của đường.

Vị trí của các cơ sở công nghiệp, tình hình phát triển những năm gần đây và kế hoạch phát triển tương lai.

2.5. Thương nghiệp, dịch vụ, hành chính sự nghiệp (khu vực III)

- Phân loại theo các nhóm có tính chất tương tự về yêu cầu đi lại : hành chính sự nghiệp, giáo dục và đào tạo, buôn bán nhỏ, buôn bán lớn và trung bình, thương cảng, sân bay.
- Tình hình phát triển những năm gần đây và dự báo trong tương lai.

2.6. Tình hình kinh tế - xã hội của các vùng phụ cận hoặc của các nước có liên quan tới dự án.

CHƯƠNG 3 : CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA VÙNG

3.1. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của vùng nghiên cứu

- 3.1.1. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của vùng theo quy hoạch, dài hạn, trung hạn và ngắn hạn.
- 3.1.2. Dự báo một số chỉ tiêu chính về phát triển kinh tế - xã hội của kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn.
- 3.1.3. Dự báo phát triển dân số và lao động.
- 3.2. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của các vùng lân cận và các vùng thuộc khu vực hấp dẫn của đường.

CHƯƠNG 4 : CÁC QUY HOẠCH XÂY DỰNG CÓ LIÊN QUAN TỚI DỰ ÁN

- 4.1. Quy hoạch và các dự án phát triển đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế mới v.v..
- 4.2. Quy hoạch và các dự án khác về GTVT có liên quan tới dự án nghiên cứu (đường bộ, đường sắt, hàng không, đường thủy, đường ống v.v..)
- 4.3. Quy hoạch và các dự án về thủy lợi.
- 4.4. Quy hoạch và các dự án về năng lượng.
- 4.5. Quy hoạch và các dự án về nông nghiệp và phát triển nông thôn.
- 4.6. Quy hoạch và các dự án phát triển lâm nghiệp
- 4.7. Quy hoạch và các dự án về dịch vụ, du lịch, khu bảo tồn, các di tích văn hoá - lịch sử.

CHƯƠNG 5: HIỆN TRẠNG MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG TRONG VÙNG NGHIÊN CỨU

- 5.1. Tình hình chung hiện tại về mạng lưới GTVT trong vùng nghiên cứu.
- 5.2. Hiện trạng mạng lưới giao thông đường bộ : Đối với các tuyến đường có liên quan trực tiếp tới việc nghiên cứu dự án thì cần thuyết minh đầy đủ các nội dung sau đây:
 - Chức năng của đường trong mạng lưới đường chung và cấp đường, chiều dài đường;
 - Tài liệu thống kê lưu lượng xe những năm gần đây (khoảng 5 năm);
 - Bảng thống kê các tiêu chuẩn hình học chủ yếu của các đoạn tuyến (bán kính đường cong nằm, bán kính đường cong đứng, các đoạn có độ dốc đặc trưng $i = 3 - 4\%$; $i > 4\%$; $i = i_{\max}$, chiều rộng nền đường, mặt đường v.v...);
 - Bảng thống kê các công trình trên đường và các đặc trưng kỹ thuật cầu lớn, cầu trung, cầu nhỏ, cống (Tải trọng tính toán, chiều dài, khẩu độ thoát nước, loại kết cấu). Đánh giá chất lượng công trình, tình hình khai thác;
 - Bảng thống kê hệ thống thoát nước mặt (rãnh dọc, rãnh đỉnh, ...) và chất lượng khai thác;
 - Bảng thống kê các công trình đặc biệt trên đường (kè, tường chắn, công trình chống xói v.v..);
 - Bảng thống kê kết cấu, chất lượng mặt đường dọc tuyến và các chỉ tiêu cơ lý của vật liệu; đánh giá chất lượng khai thác.
 - Bảng thống kê các công trình an toàn giao thông và các công trình phụ khác trên đường.

- 5.3. Đường sắt
- 5.4. Đường sông, đường biển
- 5.5. Đường hàng không
- 5.6. Đánh giá chung về tình hình GTVT vùng nghiên cứu

CHƯƠNG 6: DỰ BÁO NHU CẦU VẬN TẢI TUYẾN ĐƯỜNG THIẾT KẾ

- 6.1. Xác định khu vực hấp dẫn của đường và các điểm lập hàng.
- 6.2. Dự báo nhu cầu vận tải của vùng nghiên cứu và sự phân công vận tải giữa các phương tiện vận tải (đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không).
- 6.3. Dự báo nhu cầu vận tải trên đường bộ, xác định lưu lượng xe và thành phần xe chạy năm tính toán tương lai (năm thứ 20, thứ 15, thứ 10 và thứ 5) phục vụ quy hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn.

Trong báo cáo thuyết minh cần thiết phân tích phương pháp dự báo các thành phần lưu lượng xe chạy trên đường trong các thời kỳ tính toán và kết quả dự báo lưu lượng xe chạy;

Giao thông nội bộ của vùng thiết kế;

Giao thông cục bộ (có điểm xuất phát hoặc điểm kết thúc của hành trình xe chạy nằm trong phạm vi vùng thiết kế);

Giao thông quá cảnh : gồm các xe chạy qua khu vực thiết kế, có sử dụng tuyến đường sẽ xây dựng, nhưng không có nhu cầu dừng lại trong vùng nghiên cứu. Điểm xuất phát và điểm kết thúc của hành trình đều nằm ngoài khu vực có đường chạy qua.

CHƯƠNG 7: PHÂN TÍCH SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG MỚI HAY CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG. CÁC ĐIỀU KIỆN THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN

- 7.1. Ý nghĩa, tầm quan trọng và tính cấp bách của việc triển khai dự án đường đối với quy hoạch phát triển kinh tế vùng nghiên cứu và các vùng lân cận.
- 7.2. Ý nghĩa phục vụ GTVT của tuyến đường trong quy hoạch phát triển, hoàn chỉnh mạng lưới đường quốc gia.
- 7.3. Ý nghĩa về mặt an ninh quốc phòng, chính trị, xã hội, văn hoá v.v...
- 7.4. Những khó khăn và thuận lợi khi triển khai dự án.

CHƯƠNG 8: ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÙNG TUYẾN ĐI QUA

- 8.1. Điều kiện khí hậu, thủy văn : Nhiệt độ, lượng mưa, độ ẩm, tốc độ và hướng gió, vùng bị ngập thời gian nước ngập điều kiện nước mặt, nước ngầm, thủy triều, mực nước lịch sử, tốc độ nước chảy, tình hình xói lở và diễn biến lòng sông, tình hình bão, gió lớn v.v...
- 8.2. Điều kiện địa hình : đồng bằng, đồi, núi, độ dốc địa hình, vị trí khe suối, sông, hồ, ao, vị trí vượt sông, vượt đèo, các vùng đô thị, khu dân cư đông đúc nằm trong vùng tuyến đi qua, khu vực bảo tồn v.v...
- 8.3. Điều kiện địa chất : Cấu tạo địa chất, thổ nhưỡng, đánh giá các vùng đất yếu, vùng bị sạt lở v.v...
- 8.4. Vật liệu xây dựng : Loại vật liệu xây dựng, vị trí, trữ lượng và đặc trưng cơ lý của vật liệu.
- 8.5. Giá trị nông lâm nghiệp của khu vực tuyến đi qua : Cây nông nghiệp, cây công nghiệp, rừng v.v....
- 8.6. Những gò bó khi thiết kế tuyến đường và các công trình trên đường.

CHƯƠNG 9: LỰA CHỌN QUY MÔ VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT CỦA ĐƯỜNG VÀ CÁC CÔNG TRÌNH TRÊN ĐƯỜNG

- 9.1. Các tiêu chuẩn, Quy trình thiết kế áp dụng.
- 9.2. Lựa chọn cấp đường và các tiêu chuẩn thiết kế hình học của đường.
- 9.3. Lựa chọn khổ cầu, tải trọng xe tính toán.
- 9.4. Lựa chọn loại kết cấu mặt đường, tải trọng xe tính toán.

CHƯƠNG 10: CÁC GIẢI PHÁP KỸ THUẬT, THIẾT KẾ SƠ BỘ CÁC PHƯƠNG ÁN ĐỂ NGHIÊN LỰA CHỌN, CÁC PHƯƠNG ÁN KIẾN TRÚC, KẾT LUẬN CHỌN PHƯƠNG ÁN

- 10.1. Phương án vị trí tuyến đường, thiết kế sơ bộ hình đồ tuyến đường, các yếu tố hình học của từng đoạn tuyến.
- 10.2. Thiết kế sơ bộ mặt cắt dọc đường.
- 10.3. Thiết kế sơ bộ mặt cắt ngang đường.
- 10.4. Thiết kế sơ bộ hệ thống thoát nước của đường: Cầu cống nhỏ, hệ thống rãnh dọc, rãnh đỉnh, rãnh dẫn nước (nếu có).
- 10.5. Thiết kế mặt đường.
- 10.6. Thiết kế sơ bộ cấu tạo cầu, cống nhỏ.
- 10.7. Phương án các công trình đặc biệt như kè, tường chắn, công trình chống xói lở nền đường, công trình chống sụt lở nền đường, xử lý nền đất yếu, công trình ngầm v.v...
- 10.8. Các phương án thiết kế sơ bộ cầu lớn và trung : khẩu độ cầu, kiểu cầu, kết cấu nhịp, trụ và móng cầu, đường qua bãi sông (đường hai đầu cầu), công trình chống xói, kè hướng dòng.
- 10.9. Thiết kế sơ bộ các nút giao thông, các đường giao cắt với đường dân sinh.
- 10.10. Thiết kế sơ bộ các công trình an toàn giao thông và tổ chức giao thông.
- 10.11. Thiết kế sơ bộ các công trình phục vụ trên đường.

CHƯƠNG 11: PHƯƠNG ÁN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

CHƯƠNG 12: ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU ẢNH HƯỞNG ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Tham khảo hướng dẫn trong tiêu chuẩn 242-98 có liên hệ với điều kiện cụ thể của dự án.

CHƯƠNG 13: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ VÀ TRIỂN KHAI DỰ ÁN

- 13.1. Tổng mức đầu tư và phương án phân kỳ đầu tư
- 13.2. Nguồn vốn (hoặc loại nguồn vốn), khả năng tài chính, nhu cầu vốn theo tiến độ, nhu cầu về vật tư, máy móc thiết bị và lao động.
- 13.3. Tổ chức triển khai dự án và phương án sử dụng lao động.

13.4. Các mốc thời gian chính thực hiện đầu tư. Đối với dự án nhóm C phải lập ngay kế hoạch đầu thầu. Đối với dự án nhóm A,B có thể lập kế hoạch đầu thầu sau khi có quyết định đầu tư (tùy điều kiện cụ thể của dự án).

Quy định thời gian khởi công (chậm nhất), thời hạn hoàn thành đưa công trình vào khai thác sử dụng (chậm nhất).

13.5. Mối quan hệ và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan đến dự án

CHƯƠNG 14: PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ KINH TẾ VÀ TÀI CHÍNH

CHƯƠNG 15: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

15.1. Những kết luận chính :

- Tên dự án
- Phạm vi và nội dung nghiên cứu
- Sự cần thiết đầu tư
- Các giải pháp kỹ thuật kiến nghị về quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật, các phương án về vị trí và kết cấu công trình.
- Tổng mức đầu tư.
- Kế hoạch triển khai dự án, hình thức quản lý thực hiện dự án
- Đánh giá tác động môi trường và các biện pháp giảm thiểu ảnh hưởng đối với môi trường.
- Mối quan hệ và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan đến dự án.

15.2. Kiến nghị

13.4.2. HỒ SƠ BẢN VẼ

1. Khổ giấy vẽ, kích thước khung bản vẽ, khung tên, các quy định về chữ viết, các ký hiệu và viết tắt ghi trên các bản vẽ bình đồ tuyến, mặt cắt dọc, mặt cắt ngang đường và các công trình trên đường phải tuân theo các hướng dẫn trong chương 14 "Tiêu chuẩn quy định bản vẽ, viết tắt và ký hiệu" của tiêu chuẩn này.

2. Bình đồ tuyến

Tỷ lệ:

- Đối với các đoạn tuyến địa hình không phức tạp dùng tỷ lệ : 1:25.000, 1:20.000 hoặc 1: 10.000 đã được chỉnh lý và bổ xung địa hình, địa mạo theo tài liệu điều tra khảo sát tại thực địa. Trên bình đồ có vẽ các phương án tuyến, vị trí cầu cống, các công trình đặc biệt, vị trí các mỏ vật liệu.
- Đối với những đoạn địa hình phức tạp, tỷ lệ 1:5000. Ngoài bình đồ thiết kế sơ bộ các phương án tuyến, cung cấp bình đồ tổng quát, tỷ lệ 1:100.000 hoặc 1:50.000 trên đó vẽ các phương án tuyến.

Các phương án tuyến được tô các màu khác nhau, các tuyến đường hiện có tô màu vàng đậm, các sông suối, hồ, ao - màu xanh. Phương án tuyến kiến nghị tô màu đỏ.